

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 496/STP-BTTP

Đồng Nai, ngày 26 tháng 9 năm 2018

V/v báo cáo bổ sung số liệu thống kê
tổng kết 5 năm thi hành Luật giám định
tư pháp

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa;
- Trung tâm Pháp y tỉnh;
- Phòng Kỹ thuật hình sự tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Các Sở: Y tế; Xây dựng; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, thể thao và Du lịch; Tài chính; Công thương.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 9550/UBND-NC ngày 10/9/2018 về việc tổng kết thi hành Luật giám định tư pháp. Theo đó, giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh tiến hành tổng kết thi hành Luật giám định tư pháp theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; đồng thời dự thảo báo cáo tổng kết trình UBND tỉnh trước ngày 21/9/2018 để gửi về Bộ Tư pháp.

Ngày 10/9/2018, Sở Tư pháp có Văn bản số 2345/STP-BTTP về việc tổng kết thi hành Luật giám định tư pháp. Đến nay, Sở Tư pháp nhận được báo cáo của các đơn vị nhưng không có các biểu mẫu thống kê cụ thể kèm theo.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương báo cáo bổ sung số liệu thống kê gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 28/9/2018**, đồng thời gửi file mềm qua hộp thư điện tử tranducstp@gmail.com. Biểu mẫu thống kê được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn>, mục văn bản chỉ đạo điều hành.

Đề nghị các Sở, ngành quan tâm phối hợp thực hiện./. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh;
 - Văn phòng UBND tỉnh;
 - Giám đốc, các PGĐ Sở;
 - Trang Thông tin điện tử (đăng tải);
 - Lưu: VT, BTTP.
- <Nghĩa-CV>



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HL
Võ Thị Xuân Đào

**ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN NỘI DUNG TỔNG KẾT THI HÀNH
LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP Ở CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

1. Đánh giá tình hình triển khai thi hành Luật giám định tư pháp, Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp và các văn bản khác có liên quan trên cơ sở gắn với tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và hoạt động trung cầu, yêu cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng tại hệ thống cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giám định tư pháp tại Bộ, ngành, địa phương;

- Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật giám định tư pháp thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và địa phương, đặc biệt là quy định về quy trình giám định chuẩn hoặc áp dụng quy chuẩn chuyên môn trong từng lĩnh vực; định mức chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và chi phí giám định trong từng lĩnh vực; hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật về trung cầu, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong hệ thống cơ quan điều tra, tòa án, kiểm sát...;

- Việc tuân thủ Luật giám định tư pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và địa phương;

- Tình hình triển khai thực hiện Luật giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó quan tâm đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành và các điều kiện đảm bảo việc thi hành Luật giám định tư pháp (về nguồn tài chính, nguồn nhân lực và tổ chức bộ máy).

2. Đánh giá về thực trạng tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp tại các Bộ, ngành, địa phương:

Nội dung đánh giá thực trạng tập trung vào vấn đề sau đây:

2.1. Đánh giá chung:

- Đánh giá về nhận thức chung của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của công tác giám định tư pháp, người giám định tư pháp tại các Bộ, ngành, địa phương;

- Sự quan tâm của các Đảng ủy cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tỉnh ủy, Thành ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp của Bộ, ngành và địa phương, của Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện trách nhiệm của viện kiểm sát, tòa án đối với công tác giám định tư pháp;

- Đánh giá về đóng góp của hoạt động giám định tư pháp đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử trước yêu cầu đẩy mạnh cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, góp phần vào việc bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phát triển đất nước.

2.2. Về đội ngũ người, tổ chức giám định tư pháp:

- Đánh giá về sự phát triển số lượng, chất lượng đội ngũ người giám định tư pháp bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc (có số liệu cụ thể: số lượng, chất lượng giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc được lập, công bố và đăng tải danh sách ở Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc địa phương, số lượng người giám định tư pháp được bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định...);

Riêng Bộ Y tế, Bộ Công an, đề nghị đánh giá cụ thể thêm về tình hình đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 và điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 42 của Luật giám định tư pháp.

- Việc củng cố, kiện toàn và bảo đảm kinh phí, phương tiện hoạt động, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác cho các tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự tại Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các địa phương (có số liệu cụ thể);

- Việc lựa chọn, lập, công bố và đăng tải danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ hoặc địa phương (có số liệu cụ thể);

- Xác định nguyên nhân của vướng mắc, hạn chế trong việc triển khai thực hiện quy định về thành lập Văn phòng giám định tư pháp trong một số lĩnh vực theo quy định của Luật giám định tư pháp, dự báo nhu cầu, khả năng xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp trong thời gian tới;

- Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu giám định của đội ngũ người giám định tư pháp, các tổ chức giám định tư pháp công lập/tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc/ngoài công lập ở các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang bộ hoặc địa phương;

- Xác định nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong phát triển đội ngũ và chất lượng người, tổ chức giám định tư pháp tại các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương.

2.3. Về hoạt động giám định tư pháp:

2.3.1. Về tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp

- Đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động giám định của các tổ chức giám định tư pháp công lập/ngoài công lập/tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc địa phương (nêu cụ thể tổng số vụ việc giám định được trung cầu từng năm, trong đó có số vụ được thực hiện kịp thời, bảo đảm chất lượng kết luận, số vụ thực hiện chậm so với thời hạn trung cầu, số vụ từ chối không tiếp nhận...); những khó khăn, vướng mắc trong tiếp nhận, thực hiện giám định và tham gia phiên tòa bảo vệ kết quả giám định;

- Tình hình nhận tạm ứng, thanh toán chi phí giám định tư pháp, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp do cơ quan, người trưng cầu, yêu cầu giám định chi trả; tiền bồi dưỡng phiên tòa và chi phí cần thiết tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập chi trả (có số liệu cụ thể); những khó khăn, hạn chế, bất cập.

2.3.2. Về trưng cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án

- Đánh giá tình hình trưng cầu giám định của các cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án từ Trung ương đến địa phương (nêu số liệu cụ thể về số vụ việc giám định được trưng cầu, yêu cầu giám định ở từng lĩnh vực giám định trên tổng số vụ án/vụ việc hình sự, dân sự, hành chính của từng năm từ ngày 01/01/2013 đến nay); mức độ đáp ứng kịp thời, chất lượng, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp của các lĩnh vực giám định; những vướng mắc, khó khăn, hạn chế trong quá trình tìm kiếm, lựa chọn, trưng cầu giám định; đánh giá tình hình yêu cầu giám định của đương sự theo quy định của Luật giám định tư pháp và các quy định có liên quan của pháp luật tố tụng (nêu số liệu cụ thể);

- Đánh giá việc sử dụng kết luận giám định trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử, tham dự phiên tòa của người giám định, số kết luận giám định được sử dụng/không được sử dụng làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án/vụ việc hình sự, dân sự, hành chính (nêu số liệu cụ thể); những vướng mắc, khó khăn, hạn chế;

- Đánh giá tình hình dự toán, cấp phát, bảo đảm kinh phí chi trả chi phí giám định tư pháp, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định của hệ thống cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án; tiền bồi dưỡng phiên tòa và chi phí cần thiết tham dự phiên tòa cho người giám định do Tòa án triệu tập (có số liệu cụ thể); những khó khăn, hạn chế, bất cập;

2.4. Công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và trách nhiệm của các cơ quan tố tụng với công tác giám định tư pháp

- Vai trò quản lý nhà nước về giám định tư pháp của cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp); cơ quan quản lý chuyên môn ở từng lĩnh vực (các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Sở, ngành chuyên môn), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại địa phương; việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương và cấp tỉnh đối với công tác giám định tư pháp; những kết quả đã đạt được và khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước ở cấp Trung ương và địa phương;

- Đánh giá sự phối kết hợp giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở chuyên quản lĩnh vực giám định với cơ quan quản lý chung là Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan có liên quan trong quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở Trung ương và địa phương;

- Đánh giá về việc thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của Luật giám định tư pháp tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương, đặc biệt chế độ báo cáo và việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Xác định nguyên nhân của việc chưa triển khai thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về tình hình trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận

giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và báo cáo về Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 42 của Luật giám định tư pháp;

- Đánh giá tình hình ban hành hướng dẫn, thực hiện chế độ thống kê về trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định trong hệ thống các cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và báo cáo Quốc hội hằng năm và phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về nội dung này theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 44 của Luật giám định tư pháp;

Trên cơ sở đánh giá về thực trạng tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp cần chỉ ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong đó cần tập trung vào các nguyên nhân liên quan đến các quy định của pháp luật hiện hành về giám định tư pháp.

3. Đề xuất, kiến nghị:

- Những nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật giám định tư pháp: nêu cụ thể những nội dung cần sửa đổi, bổ sung và các đề xuất, kiến nghị;

- Kiến nghị, đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp phù hợp với tình hình thực tế;

- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp ở các lĩnh vực, nhất là bảo đảm đáp ứng kịp thời, có chất lượng yêu cầu giám định ở những lĩnh vực không có tổ chức giám định tư pháp chuyên trách như tài chính, xây dựng, ngân hàng, thông tin và truyền thông, tài nguyên - môi trường, văn hóa, nông nghiệp và phát triển nông thôn... phục vụ đắc lực cho hoạt động tố tụng, phòng chống tham nhũng;

- Giải pháp nhằm nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong thời gian tới ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương;

- Giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động giám định tư pháp, trong đó phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở chuyên quản lĩnh vực giám định và các cơ quan tiến hành tố tụng đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

Tên cơ quan, đơn vị báo cáo¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC I: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN**

(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)

(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

I. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

STT	Năm tổ chức	Tên/nội dung	Số lượng đại biểu tham dự
1			
2			
...			
Tổng số:			

II. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật giám định tư pháp

STT	Số ký hiệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung
1			
2			
...			
Tổng số:			

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương

Tên cơ quan, đơn vị báo cáo²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II: THỐNG KÊ VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)

(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

I. Giám định viên tư pháp

STT	CN/ LV ^(*) Năm	A		B			Tổng số
		Bỏ nhiệm	Miễn nhiệm	Bỏ nhiệm	Miễn nhiệm	Bỏ nhiệm	Miễn nhiệm	
1	2013							
2	2014							
3	2015							
4	2016							
5	2017							
6	2018							

(*) Ghi chú: - CN: Chuyên ngành; LV: Lĩnh vực.

- Đối với Báo cáo của UBND cấp tỉnh thì cột A, B,... là lĩnh vực giám định: pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, tài chính, xây dựng, ngân hàng,... mà có giám định viên tư pháp.

- Đối với Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì A, B,... là các chuyên ngành giám định thuộc lĩnh vực của Bộ, ngành mình có giám định viên tư pháp.

² Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

II. Người giám định tư pháp theo vụ việc

STT	CN/ LV ^(*) Năm	A	B	C	Tổng số	Đăng tải danh sách	
							Có	Không
1	2013							
2	2014							
3	2015							
4	2016							
5	2017							
6	2018							

(*) Ghi chú: - CN: Chuyên ngành; LV: Lĩnh vực.

- Đối với Báo cáo của UBND cấp tỉnh thì cột A, B,... là lĩnh vực giám định: pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, tài chính, xây dựng, ngân hàng,... mà có giám định viên tư pháp.

- Đối với Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì A, B,... là các chuyên ngành giám định thuộc lĩnh vực của Bộ, ngành mình có giám định viên tư pháp.

III. Tổ chức giám định tư pháp công lập

STT	Năm	Biên chế				Kinh phí được cấp	Cơ sở vật chất	Số lượng trang thiết bị mới	Điều kiện khác
		Tổng số	Chuyên ngành A	Chuyên ngành B	...				
1	2013								
2	2014								
3	2015								
4	2016								
5	2017								
6	2018								

IV. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

STT	Năm	Số lượng tổ chức được công bố				Đăng tải danh sách	
		Tổng số	Lĩnh vực A	Lĩnh vực B	...	Có	Không
1	2013						
2	2014						
3	2015						
4	2016						
5	2017						
6	2018						

V. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định cho người thực hiện giám định

Bảng 1. Đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ nghiệp vụ giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự

STT	Năm	Số lượng lớp đào tạo/ bồi dưỡng	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng/ lớp	Số lượng giám định viên được đào tạo, bồi dưỡng/ lớp
1	2013			
2	2014			
3	2015			
4	2016			
5	2017			
6	2018			

Bảng 2. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định cho người thực hiện giám định tư pháp

STT	Năm	Số lớp tập huấn	Thời gian tập huấn/ lớp	Số lượng người thực hiện giám định tư pháp được tập huấn			
				Chuyên ngành/ Lĩnh vực A	Chuyên ngành/ Lĩnh vực B	Tổng số
1	2013						
2	2014						
3	2015						
4	2016						
5	2017						
6	2018						

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan tổ tụng³

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)

(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

STT	Năm	Tổng số vụ được trưng cầu giám định và ở từng lĩnh vực														
		Tổng số vụ	Pháp y	Pháp y tâm thần	Kỹ thuật hình sự	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin & Truyền thông	Tài nguyên & Môi trường	Văn hóa	Giao thông vận tải	Nông nghiệp & PTNN	Kế hoạch & Đầu tư	Công thương	Lĩnh vực khác
1	2013															
2	2014															
3	2015															
4	2016															
5	2017															
6	2018															

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

³ Bộ Công an, VKSND, TAND

Tên cơ quan, đơn vị báo cáo⁴

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VÀ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)

(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

Phụ lục 4A: Dành cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ

STT	Năm	Tổng số vụ việc được trung cầu	Số vụ việc tiếp nhận và thực hiện giám định/ Tổng số vụ việc được trung cầu				Số vụ việc từ chối giám định
			Tổng số	Chuyên ngành A	Chuyên ngành B	...	
1	2013						
2	2014						
3	2015						
4	2016						
5	2017						
6	2018						

(*) Ghi chú: Chuyên ngành A, B,... là các chuyên ngành giám định thuộc lĩnh vực của Bộ, ngành mình có giám định viên tư pháp.

⁴ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Phụ lục 4B: Dành cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

S T T	Năm	Tổng số vụ việc được trung cầu	Số vụ việc tiếp nhận và thực hiện giám định/ Tổng số vụ việc được trung cầu														Số vụ việc từ chối giám định		
			Tổng số	Pháp y	Pháp y tâm thần	Kỹ thuật hình sự	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Tài nguyên & Môi trường	Thông tin & Truyền thông	Văn hóa	Giao thông vận tải	Nông nghiệp & phát triển nông thôn	Kế hoạch & đầu tư	Công thương		Lĩnh vực khác	
1	2013																		
2	2014																		
3	2015																		
4	2016																		
5	2017																		
6	2018																		

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị báo cáo⁵

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC V: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN CÁC CHI PHÍ
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)

(kèm theo Công văn số 325/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

S T T	Năm	Tổng số vụ việc tiếp nhận và thực hiện giám định	Nhận chi phí, bồi dưỡng giám định tư pháp					Tham dự phiên tòa		
			Tạm ứng chi phí giám định tư pháp		Thanh toán chi phí tiền bồi dưỡng giám định tư pháp			Tổng số vụ việc được mời tham dự phiên tòa	Số vụ việc được chi trả	Số vụ việc không được chi trả
			Vụ việc đúng hạn	Vụ việc chậm	Vụ việc đúng hạn	Vụ việc chậm	Vụ việc nợ động			
1	2013									
2	2014									
3	2015									
4	2016									
5	2017									
6	2018									

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

⁵ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tên cơ quan tổ tụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC VI: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH DỰ TOÁN, CẤP PHÁT VÀ CHI TRẢ CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)**

(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

STT	Năm	Kinh phí dự toán	Kinh phí được cấp phát	Số vụ chi trả chi phí giám định tư pháp/ tổng số vụ việc	Số vụ chi trả tiền bồi dưỡng giám định tư pháp/ tổng số vụ việc	Số vụ chi trả tiền bồi dưỡng phiên tòa và chi phí cần thiết tham dự phiên tòa/ tổng số vụ việc có người giám định tham dự phiên tòa
1	2013					
2	2014					
3	2015					
4	2016					
5	2017					
8	2018					

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan tổ tụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VII: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)
(kèm theo Công văn số 3256/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

STT	Năm	Kết luận giám định vụ án hình sự			Kết luận giám định vụ việc dân sự			Kết luận giám định vụ việc hành chính		
		Tổng số	Được sử dụng	Không được sử dụng	Tổng số	Được sử dụng	Không được sử dụng	Tổng số	Được sử dụng	Không được sử dụng
1	2013									
2	2014									
3	2015									
4	2016									
5	2017									
6	2018									

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị báo cáo⁶

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VIII: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH KIỂM TRA, THANH TRA HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
(Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2018)

(kèm theo Công văn số 325/BTP-BTTP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp)

STT	Năm	Số đoàn kiểm tra				Số đoàn thanh tra				Tổng số đoàn kiểm tra và thanh tra
		Tổng số	Lĩnh vực A	Lĩnh vực B	...	Tổng số	Lĩnh vực A	Lĩnh vực B	...	
1	2013									
2	2014									
3	2015									
4	2016									
5	2017									
6	2018									

Ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

⁶ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

